

Số: / BC-HĐQTCSĐP

Bình Phước, ngày 26 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
Năm báo cáo : 2012

I/- Thông tin chung :

1.Thông tin khái quát :

- _ Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
- _ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số : 3800100376
- _ Vốn điều lệ : 430.000.000.000 đ (Bốn trăm ba mươi tỷ đồng)
- _ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 430.000.000.000 đ
- _ Địa chỉ : xã Thuận Phú – huyện Đồng Phú – tỉnh Bình Phước.
- _ Số điện thoại : 0651. 3819786 _ 0651 3819709
- _ Số fax : 0651 3819620
- _ Website : doruco.com.vn
- _ Mã cổ phiếu : DPR

2.Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú tiền thân là Đồn điền Thuận Lợi của Công ty Michelin – Pháp, được hình thành vào khoảng tháng 6 năm 1927. Diện tích vườn cây của Công ty cổ phần cao su Đồng Phú nằm trong vùng cao su truyền thống đã được người Pháp xác định. Đến ngày 21/05/1981, doanh nghiệp nhà nước_Công ty Cao su Đồng Phú trực thuộc Tổng Cục Cao su Việt Nam chính thức được thành lập.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú đã được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động ngày 28 tháng 12 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 44.03.000069 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 8 năm 2008. Đến ngày 27/05/2010, đã được Phòng Đăng ký kinh doanh_Sở kế hoạch & Đầu tư Bình Phước điều chỉnh lần thứ ba thành Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3800100376. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 04/05/2012 do bổ sung ngành nghề kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật hiện tại là ông Đặng Gia Anh_Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú có vốn điều lệ ban đầu 400.000.000.000đ. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú niêm yết

trên sàn giao dịch Sở chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 30/11/2007, mã chứng khoán DPR.

Tháng 03 năm 2010, Công ty đã phát hành thêm 3.000.000 cổ phiếu, tăng vốn Điều lệ của công ty từ 400 lên 430 tỷ đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

+ Ngành nghề kinh doanh chính của công ty :

- Trồng và chế biến cao su. Thanh lý vườn cây cao su.
- Khai thác và chế biến gỗ cao su.
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.
- Thương nghiệp buôn bán.
- Thi công cầu đường bộ.
- Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp ; xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc.

+ Địa bàn kinh doanh :

Vườn cây cao su tập trung ở huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; có một phần ở Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước và huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Địa bàn kinh doanh các sản phẩm chính của Công ty như sau:

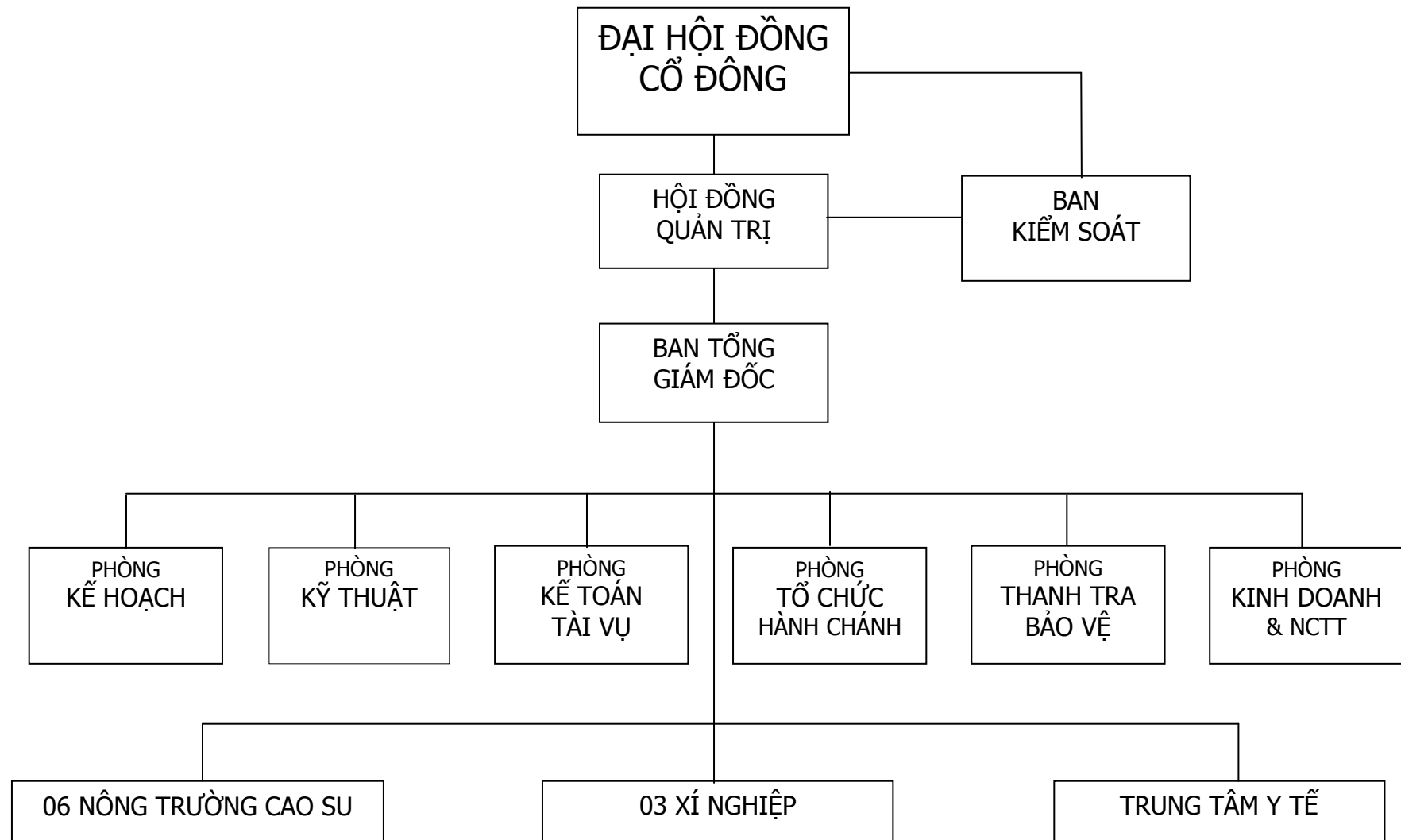
_Mủ cao su : xuất khẩu đi nhiều nước và vùng lãnh thổ trên thế giới như Hàn quốc, Đài loan, Nhật bản, Châu Âu, Singapore,... Ngoài ra còn bán nội địa cho các công ty thương mại và sản xuất khắp cả nước.

_Gỗ cao su : Bán chủ yếu cho các công ty chế biến gỗ ở khu vực các tỉnh Đông Nam bộ như Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy :

_ Mô hình quản trị :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



_ Cơ cấu bộ máy quản lý :

a) Ban Tổng giám đốc gồm 4 thành viên. Bao gồm Tổng Giám đốc phụ trách chung và 03 Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng mảng công việc như kỹ thuật và môi trường, xây dựng cơ bản, hành chính-tổ chức...

b) Các phòng ban công ty gồm : phòng Tổ chức-Hành chính, phòng Kế hoạch, phòng Kỹ thuật, phòng Kinh doanh-Nghiên cứu thị trường, phòng Kế toán – tài vụ, phòng Thanh tra-Bảo vệ & Quân sự.

c) Các đơn vị trực thuộc công ty gồm :

- Nông Trường cao su An Bình
- Nông Trường cao su Tân Lập
- Nông Trường cao su Tân Lợi
- Nông Trường cao su Tân Thành
- Nông Trường cao su Thuận Phú
- Nông Trường cao su Tân Hưng
- Xí nghiệp chế biến mủ Thuận Phú
- Nhà máy chế biến mủ Tân Lập
- Xí nghiệp Vật tư – Vận tải và Xây dựng.
- Trung tâm Y tế

_ Các công ty con, công ty liên kết :

a) Công ty con :

1. Công ty CP cao su Đồng Phú-Đắc Nông

Địa chỉ : xã Ea Pô, huyện Cư Jut, tỉnh Đắc Nông

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Trồng, khai thác và chế biến cao su.

Vốn điều lệ thực góp : 120.000.000.000 đ

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 92%

2. Công ty CP Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú

Địa chỉ : Khu phố Bàu Ké, Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

Vốn điều lệ thực góp : 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 51%

3. Công ty CP cao su Kỹ thuật Đồng Phú

Địa chỉ : xã Tân lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất nệm và gối từ cao su thiên nhiên.

Vốn điều lệ thực góp : 148.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 71,82%

b) Các Công ty liên kết :

1. Công ty CP Cao su Đồng Phú-Kratie

Địa chỉ : xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Địa điểm đầu tư : huyện Sam bô, tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Trồng, khai thác và chế biến cao su.

Vốn điều lệ thực góp : 500.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 49%

2. Công ty CP Gỗ Đồng Phú

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Tân Thành, xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Chế biến gỗ, sản xuất đồ gia dụng từ gỗ cao su và gỗ rừng trồng.

Vốn điều lệ thực góp : 40.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 40%

5. Định hướng phát triển :

+ Các mục tiêu chủ yếu :

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty, Ban lãnh đạo Công ty luôn xác định mục tiêu chính đó là củng cố, thâm canh và mở rộng diện tích vườn cây cao su; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản xuất cao su. Xem đó là ngành nghề chính nhằm mang lại lợi nhuận ổn định, bền vững và lâu dài cho Công ty. Từ đó, đảm bảo tối ưu hóa lợi nhuận cho các cổ đông đồng thời từng bước nâng cao đời sống người lao động.

Song song với mục tiêu đó, Công ty cũng đầu tư một số ngành nghề mà Công ty có lợi thế trong khu vực như : Đầu tư chế biến các sản phẩm từ nguyên liệu cao su của Công ty, chế biến sản phẩm từ gỗ cao su, xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư

Quá trình hoạt động sản xuất – kinh doanh trong thời gian qua Công ty luôn đạt được mục tiêu đã được định hướng.

+ Định hướng phát triển:

- Khắc phục các khó khăn do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động, tận dụng mọi nguồn lực để tiếp tục đầu tư đúng tiến độ các dự án đầu tư

công ty đã triển khai, nhất là các dự án đầu tư trồng cao su tại Vương quốc Campuchia.

- củng cố và hoàn thiện Công ty cổ phần cao su Đồng Phú – Kratie (Tại Tỉnh Kratie – Vương quốc Campuchia) ; với vốn điều lệ hiện tại là 500 tỷ đồng, quy mô 9.000 ha, trong đó diện tích cao su sẽ khoảng 6.300 ha. Phần vốn góp của Công ty là 49% vốn điều lệ.

- Ngoài ra, để tận dụng cơ hội, Công ty đang chuẩn bị đầu tư thêm 01 dự án phát triển cao su tại tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia. Dự án này có quy hoạch khoảng 6.500 ha cao su và do Công ty CP Cao su Đồng Phú đầu tư 100% vốn. Dự án này hiện chưa được triển khai, còn chờ giấy phép từ Chính phủ Campuchia.

- củng cố và tìm giải pháp mở rộng diện tích dự án phát triển cao su tại huyện CưJut, tỉnh Đắk Nông, với tổng diện tích quy hoạch khoảng 4.000 ha. Đã thành lập Cty CP Cao su Đồng Phú-Đak Nông với vốn điều lệ 120 tỷ đồng, trong đó Công ty chiếm 92% vốn điều lệ (thực góp 88,41%). Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng đến nay dự án đã trồng được 935 ha. Kế hoạch năm 2013 tiếp tục thu hồi đất để trồng.

- Tham gia đầu tư vào Công ty cổ phần cao su Sa Thầy (Tại Tỉnh Kon Tum), Với vốn điều lệ là 400 tỷ đồng, quy mô 10.000 ha cao su, trong đó công ty góp 10% vốn điều lệ.

- Tăng cường nghiên cứu để đầu tư phát triển chiều sâu nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững như : đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất vườn cây trên diện tích hiện có, xây dựng kế hoạch thanh lý tái canh hợp lý để vừa có cơ cấu vườn cây giống mới năng suất cao kế thừa vừa ổn định doanh thu và lợi nhuận cho cổ đông.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện sản xuất; tăng cường công tác tiếp thị để đưa Công ty cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú với vốn điều lệ là 148 tỷ đồng, trong đó công ty góp 71,82% vốn điều lệ, chuyên sản xuất hàng tiêu dùng (Nệm, gối...) từ nguyên liệu mủ latex của công ty ngày càng phát triển; nhằm tăng lợi nhuận cho công ty và đa dạng sản phẩm từ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính, giảm dần tỷ lệ xuất khẩu nguyên liệu thô. Hàng năm nhà máy này sẽ tiêu thụ khoảng 3.000 tấn mủ quy khô của Công ty.

- Tiếp tục phát triển Công ty cổ phần đầu tư khu công nghiệp Bắc Đồng Phú với vốn điều lệ 100 tỷ đồng trên cơ sở liên kết với Công ty cổ phần KCN Nam Tân Uyên. Công ty CP cao su Đồng Phú góp 51 % vốn điều lệ. Nhiệm vụ chính là triển khai đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú với quy mô gần 190 ha và đầu tư các khu dân cư trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với tổng diện tích khoảng 50 ha.

- Công ty CP Gỗ Đồng Phú, vốn điều lệ 40 tỷ đồng, Công ty góp 40% vốn điều lệ. Nhiệm vụ chính là mang lại giá trị gia tăng trên cơ sở chế biến, sản xuất phôi bán thành phẩm và sản phẩm gia dụng từ gỗ cao su thanh lý của Công ty và một số đơn vị khác trong vùng. Cũng cố thêm khâu tiếp thị, bán hàng và đa dạng hóa mẫu mã hơn để tăng cường tiêu thụ sản phẩm, đa dạng hóa thị trường.

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty :

_ Đối với môi trường : Công ty luôn xem phát triển gắn với bảo vệ môi trường là yêu cầu và cũng là mục tiêu cho sự phát triển bền vững. Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; tích cực và chủ động xây dựng và hoàn thiện các đề án bảo vệ môi trường đối với từng khu vực sản xuất, nhất là các nhà máy chế biến. Cả hai nhà máy của Công ty đều đã nhận được chứng nhận hoàn thành các đề án, biện pháp bảo vệ môi trường.

_ Đối với xã hội và cộng đồng : Công ty là một doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận nhưng cũng là một thành viên trong cộng đồng nên phải có trách nhiệm đóng góp, hỗ trợ cho cộng đồng, cho xã hội. Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng như đóng góp các quỹ an sinh xã hội, quỹ vì người nghèo, các chương trình xã hội từ thiện, ...

6. Các rủi ro :

- _ Sự cạnh tranh của cao su nhân tạo đối với cao su thiên nhiên.
- _ Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới có thể gây giảm cầu cao su thiên nhiên và làm sụt giảm giá cao su.
- _ Sự thay đổi các chính sách về thuế, tỷ giá,.. của Chính Phủ.
- _ Những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu với những tác nhân khó lường trước. Cây cao su là một sản phẩm nông nghiệp nên sẽ chịu ảnh hưởng nhất định đối với các biến đổi này.

II/- Tình hình hoạt động trong năm 2012:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Diện tích vườn cây kinh doanh : 7.121 ha
- Sản lượng khai thác : 16.368 tấn = 109,12% kế hoạch.
- Năng suất đạt 2,3 tấn / ha, *năm thứ tư liên tiếp là công ty có năng suất cao nhất trong Tập đoàn CN cao su Việt Nam.*
- Sản lượng tiêu thụ: 19.267 tấn

- Trồng tái canh : 240 ha
- Doanh thu : + Kế hoạch năm 2012 : 1.532 tỷ đồng
+ Thực hiện năm 2012 : 1.464,593 tỷ đồng
Doanh thu năm 2012 đạt 95,6 % kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: + Kế hoạch năm 2012 : 529 tỷ đồng
+ Thực hiện năm 2012 : 584,8 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 110,52% kế hoạch
- Thu nhập bình quân đạt trên 8.200.000 đ/ người / tháng

Nhìn chung, do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới nên năm 2012 cũng là một năm khó khăn của kinh tế Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Giá cả cao su trên thị trường thế giới giảm sâu, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty không đạt kế hoạch mặc dù sản lượng có vượt kế hoạch. Bên lại, nhờ tăng sản lượng, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận ở cả phần bán gỗ cây cao su và hoạt động tài chính nên tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty vượt kế hoạch trên 10%.

2. Tổ chức và nhân sự :

a. Các Thành viên Ban Tổng giám đốc gồm :

+ Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám Đốc

Sinh ngày 25/9/1956.

Trình độ : Kỹ sư nông học + Cử nhân quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm : có 32 năm quản lý trong ngành.

Số cổ phiếu được ủy quyền (sở hữu nhà nước): 6.450.000 CP

Số cổ phiếu sở hữu : 2.500 CP

Tổng cộng : 6.452.500 CP

Tỷ lệ %/tổng số CP : 15,006 %

+ Ông Phạm Văn Luyện - Phó Tổng Giám Đốc

Sinh ngày 20/8/1957.

Trình độ : Kỹ sư Nông học + Giám đốc doanh nghiệp

Kinh nghiệm : có 31 năm quản lý trong ngành

Số cổ phiếu sở hữu : 2.500 CP

Tỷ lệ %/tổng số CP : 0,006%

- Ông Ngô Trường Kỳ - Phó Tổng Giám Đốc

Sinh ngày 26/7/1953.

Trình độ : Cử nhân Kế – Tài – Ngân

Kinh nghiệm : có 35 năm quản lý trong ngành

(Sẽ nghỉ hưu trong năm 2013)

Số cổ phiếu sở hữu : 2.900 CP

Tỷ lệ %/tổng số CP : 0,007 %

- Ông Hồ Cường - Phó Tổng Giám Đốc

Sinh ngày 08/6/1966.

Trình độ : Kỹ sư Nông học.

Kinh nghiệm : có 23 năm quản lý trong ngành.

Số cổ phiếu sở hữu : 1.600 CP

Tỷ lệ %/tổng số CP : 0,004%

- Ông Nguyễn Thanh Bình – Kế toán trưởng

Sinh ngày 26/10/1959.

Trình độ : Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm : có 25 năm quản lý trong ngành.

Số cổ phiếu sở hữu : 2.600 CP

Tỷ lệ %/tổng số CP : 0,006%

b.Số cán bộ công nhân viên của Công ty đến 31/12/2012 là 4.230 người.

Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo chất lượng, hiệu quả công việc/sản phẩm. Tổng quỹ lương được xác định theo tổng doanh thu mủ cao su như tất cả các công ty trong Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Ngoài tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách và chế độ khác cho người lao động như ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật, bảo hộ lao động, nghỉ phép năm,... theo đúng các quy định của pháp luật về lao động hiện hành của Nhà nước.

Tùy theo quỹ lương, mức trượt giá và khả năng chịu được của giá thành sản phẩm hàng năm mà Công ty có điều chỉnh đơn giá tiền lương và các đơn giá khác cho phù hợp.

Bên cạnh đó, Công ty cùng với Công Đoàn còn sử dụng quỹ phúc lợi để tổ chức cho người lao động các hoạt động thường xuyên hàng năm như tham quan nghỉ mát, biểu diễn văn hóa, thi đấu thể dục thể thao,....

3.Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

+ Những thay đổi chủ yếu trong năm :

Triển khai khai hoang, trồng mới tại Công ty cổ phần cao su Đồng Phú - Đắc Nông diện tích 04 ha.

Triển khai khai hoang, trồng mới tại Công ty cổ phần cao su Đồng Phú - Kratie (Tỉnh Kratie – Vương quốc Campuchia) diện tích 1.123 ha.

Sản phẩm nệm và gối của Công ty cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú đã có mặt tại hầu hết các tỉnh, thành lớn của Việt Nam. Thương hiệu “Nệm

Đồng Phú” đang dần được ưa chuộng vì chất lượng tốt, giá cả phải chăng. Công ty cũng đang triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để từng bước có chỗ đứng vững chắc trong thị trường.

Tiếp tục triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu dân cư tại Công ty CP khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (Vốn điều lệ 100 tỷ đồng, Công ty CP cao su Đồng Phú góp 51% Vốn điều lệ), tiếp tục phát triển kinh doanh mặc dù còn gặp phải nhiều khó khăn, bước đầu đã có lợi nhuận và chia cổ tức. Năm 2012 mặc dù rất khó khăn nhưng cũng đã cho thuê thêm được 04 ha. Chia cổ tức năm 2012 dự kiến là 8%.

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất ở Công ty CP Gỗ Đồng Phú, nhằm tận dụng thế mạnh về nguyên liệu gỗ khi thanh lý cao su và đem lại giá trị gia tăng lớn hơn cho Công ty.

Đã thực hiện thoái vốn và thu hồi vốn ở Quỹ Đầu tư Việt Long trong năm 2012.

Tại Công ty, đã thực hiện trồng tái canh 240 ha và chăm sóc 2.254 ha hiện có.

4. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài chính

	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	% Tăng' (+), giảm' (-)
	Tổng giá trị tài sản	Đồng	2.243.667.970.143	2.495.114.226.373	11,20
	Doanh thu thuần	Đồng	1.836.212.874.721	1.365.948.073.177	-25,61
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	857.268.494.839	577.607.280.353	-32,62
	Lợi nhuận khác	Đồng	9.368.537.324	7.193.402.411	-23,22
	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	866.637.032.163	584.800.682.764	-32,5
	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	%	24,8	29,4	18,5

Doanh thu thuần năm 2012 giảm 25,61% so với năm 2011 . Do năm 2012 giá bán bình quân 62.134.483 VNĐ/ Tấn, năm 2011 giá bán bình quân: 91.396.856 VNĐ/Tấn; giá bán bình quân năm 2012 giảm : 29.262.373 VNĐ/Tấn hay giảm 32,01% so với năm 2011. Vì vậy lợi nhuận kinh doanh năm 2012 giảm 32,62% , Lợi nhuận trước thuế giảm: 32,5% so với năm 2011.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
-----	--------------	----------	----------

1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh			
	+ Hệ Số Thanh toán hiện hành			
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn		3,68	4,17
	+ Hệ Số Thanh Toán nhanh			
	(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn		3,17	3,85
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản		0,16	0,14
	+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu		0,20	0,16
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		5,7	8,11
	+Doanh thu thuần /tổng tài sản		0,82	0,55
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh Thu Thuần		0,41	0,37
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,43	0,25
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,36	0,21
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		0,47	0,42

5.Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

a.Cổ phần :

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại : 43.000.000 cổ phiếu, trong đó :
 - + Cổ phiếu phổ thông tự do chuyển đổi : 43.000.000 CP
 - + Cổ phiếu khác ; không có
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi ...) : Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 43.000.000 cổ phiếu, trong đó:
 - + Cổ phiếu phổ thông tự do chuyển đổi : 43.000.000 CP

- + Cổ phiếu khác ; không có
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : Chưa có
- Cổ tức : công ty đã chia cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ chia bằng 15% mệnh giá. Tổng số tiền đã chia cổ tức năm 2012 là 64,5 tỷ đồng.

b.Cơ cấu cổ đông :

Tóm lược Danh sách cổ đông chốt ngày 14/11/2012

TT	Loại hình	Cá nhân	Tổ chức	Cộng
1	Cổ đông			
	Trong Nước	696	14	710
	Nước ngoài	65	50	115
	Tổng cộng	761	64	825
2	Cổ phần			
a	Trong Nước	1.896.244	25.332.716	27.228.960
	Tỷ lệ %	4,41	58,91	63,32
	trong đó cổ đông nhà nước		24.000.000	24.000.000
	chiếm tỷ lệ %		55,81	55,81
b	Nước ngoài	104.190	15.666.850	15.771.040
	Tỷ lệ %	0,24	36,43	36,68
	Tổng cộng	2.000.434	40.999.566	43.000.000

Công ty có 02 cổ đông lớn là :

+ Tập Đoàn Công nghiệp cao su Việt nam (cổ đông nhà nước) : chiếm 55,81% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

+ FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS-TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND (cổ đông nước ngoài) : chiếm 06,68% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

III/- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Diện tích vườn cây kinh doanh : 7.121 ha
- Sản lượng khai thác : 16.368 tấn = 109,12% kế hoạch.
- Năng suất đạt trên 2,3 tấn / ha, năm thứ tư liên tiếp là công ty có năng suất cao nhất trong Tập đoàn CN cao su Việt Nam.
- Sản lượng tiêu thụ: **19.146** tấn

- Trồng tái canh : 240 ha
- Doanh thu : + Kế hoạch năm 2012 : 1.532 tỷ đồng
+ Thực hiện năm 2012 : 1.464,593 tỷ đồng
Doanh thu năm 2012 đạt **95,6 %** kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: + Kế hoạch năm 2012 : 529 tỷ đồng
+ Thực hiện năm 2012 : 584,8 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 110,52% kế hoạch
- Thu nhập bình quân đạt trên 8.200.000 đ/ người / tháng

- Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động : Lợi nhuận vượt 10% so với kế hoạch do Công ty thực hành tiết kiệm, giảm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm thấp hơn so với kế hoạch mặc dù giá bán do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới đã không đạt mức kế hoạch (chỉ đạt 62 tr/ kế hoạch 67 tr), dẫn đến tổng doanh thu không đạt kế hoạch. Bên lại, doanh thu và lợi nhuận của hoạt động tài chính và bán gỗ cao su (từ vườn cây thanh lý) đều vượt so với kế hoạch.

*** Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý : Công ty thường xuyên tiến hành rà soát lại hệ thống định mức kinh tế – kỹ thuật ở các công đoạn sản xuất, tiến hành thực hiện nghiêm chế độ định biên tại các đơn vị trực thuộc, giải quyết dứt điểm việc sử dụng dư lao động so với định biên. Hoàn thiện công tác giao khoán chi phí, kiểm soát chặt chẽ giá thành sản xuất.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác đầu tư xây dựng cơ bản nhằm tiết kiệm vốn và giảm giá thành đầu tư. Chú trọng đầu tư vào lĩnh vực sản xuất chính như : Mở rộng diện tích trồng cao su để tăng quy mô công ty, đầu tư vào lĩnh vực chế biến các sản phẩm tiêu dùng từ nguyên liệu cao su sẵn có của công ty nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích. Ưu tiên đầu tư các công trình trực tiếp phục vụ sản xuất; đối với các công trình khác hạn chế đầu tư, chỉ đầu tư khi thật cần thiết.

2. Tình hình tài chính :

a) Tình hình tài sản :

+ Tổng tài sản công ty mẹ đến cuối kỳ : 2.495,114 tỷ đồng, tăng 11,20% so với đầu kỳ.

+ Vốn chủ sở hữu cuối kỳ : 2.149,749 tỷ đồng, tăng so với đầu kỳ là 14,5%.

Vốn và tài sản được sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và không ngừng tăng lên. Không có nợ xấu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu		Số Cuối năm	Số Đầu Năm	Chênh lệch
----------	--	-------------	------------	------------

	đvt			giá trị		%
A. NỢ PHẢI TRẢ	đồng	345.365.131.225	366.148.603.609	-20.783.472.384		-5,67
I Nợ ngắn hạn		315.364.131.225	328.534.421.142	-13.170.289.917		-4,00
II. Nợ dài hạn		30.001.000.000	37.614.182.467	-7.613.182.467		-20,24

Nợ phải trả cuối kỳ giảm 5,67% so với đầu kỳ.

Trong đó nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản: tiền lương chưa chi trả cho người lao động, người bán nộp tiền trước, phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi...

Nợ dài hạn là khoản vay ưu đãi đầu tư vườn cây cao su tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam_Chỉ nhánh Bình Phước. Không có nợ xấu.

Công ty không có vay vốn bằng ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng gì khi thay đổi tỷ giá ngoại tệ. Ngược lại, Công ty là đơn vị xuất khẩu nên sẽ hưởng lợi nếu đồng USD tăng giá.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Trong năm, không có biến động lớn về cơ cấu tổ chức. Những cải tiến chính đó là việc tuyển dụng mới, đề bạt, bố trí, luân chuyển cán bộ quản lý cho phù hợp với các yêu cầu của công tác quản lý Công ty. Đây là công việc được thực hiện thường xuyên. Công ty luôn ưu tiên bố trí cán bộ trẻ, có năng lực, trình độ để đáp ứng các yêu cầu trước mắt và lâu dài cho việc phát triển Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tập trung các nguồn vốn đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã triển khai nhằm đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn đầu tư.

- Xây dựng phương án tái cấu trúc hoạt động đầu tư theo hướng : tập trung nguồn lực cho các ngành nghề kinh doanh chính, ngành nghề công ty có lợi thế so sánh; thoái vốn ở các dự án ngoài ngành chính, dự án không hiệu quả; tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư khi có điều kiện và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Tăng cường đào tạo và tuyển dụng nhân sự để đáp ứng công tác quản trị của các dự án.

- Xây dựng chiến lược marketing cho sản phẩm nệm, gối từ Công ty CP cao su Kỹ thuật Đồng Phú và có kế hoạch mở rộng quy mô khi có điều kiện thích hợp.

IV/-ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Mặc dù bị ảnh hưởng lớn của tình trạng suy giảm kinh tế của thế giới dẫn đến sự sụt giảm của giá bán cao su trên thị trường thế giới; ảnh hưởng của biến đổi thời tiết khí hậu nhưng Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra. Sản lượng tăng khá, năng suất đạt trên 2,3 tấn/ha và giữ vững vị trí dẫn đầu trong Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là thành tích đáng biểu dương. Lợi nhuận vượt trên 10% kế hoạch và tổng lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt trên 536 tỷ đồng/ vốn điều lệ 430 tỷ trong bối cảnh kinh tế khó khăn của năm 2012 là kết quả kinh doanh đáng tự hào.

Vốn và tài sản của các cổ đông được sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và tăng lên qua các năm. Công ty cũng luôn bảo đảm hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Công ty đã cân đối được nguồn đầu tư, bảo đảm hài hòa lợi ích của các cổ đông và có phần phân phối cho người lao động thông qua chính sách tiền lương và việc sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty theo sát các chủ trương tại các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Tổng Giám đốc thường xuyên xin ý kiến, chủ trương của Hội đồng quản trị Công ty đối với các nội dung quản lý không thuộc thẩm quyền.

Trong thành tích chung của Công ty trong năm 2012 có đóng góp lớn của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3.Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị :

+ Tiếp tục xây dựng Công ty phát triển bền vững. Tập trung vào ngành nghề chính mà Công ty có thế mạnh là sản xuất cao su và các sản phẩm từ cao su, gỗ cao su.

+ củng cố, ổn định và tiến tới phát triển ở các dự án đã đầu tư. Chuẩn bị xây dựng các nhà máy khi các dự án cao su đi vào thu hoạch.

+ Tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư ở những dự án Công ty có thế mạnh và phải đảm bảo hiệu quả kinh tế.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu và bộ máy quản lý ở Công ty và các công ty con.

V.QUẢN TRỊ CÔNG TY:**1.Hội đồng quản trị :**

a)Thành viên và cơ cấu của HĐQT

TT	Họ và tên Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/tổng số CP có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành	Chức vụ kiêm nhiệm
1	Đặng Gia Anh Chủ tịch HĐQT	_đại diện sở hữu : 30,81% _sở hữu cá nhân: 0,059%	không	có	_Chủ tịch HĐQT Cty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú _ Chủ tịch HĐQT Cty CP Gỗ Đồng Phú
2	Nguyễn Thanh Hải UV HĐQT	_đại diện sở hữu : 15% _sở hữu cá nhân: 0,006%	không	không	_Tổng Giám đốc Cty. _ Chủ tịch HĐQT Cty CP Cao su Đồng Phú -Kratie
3	Phạm Văn Hằng UV HĐQT	_đại diện sở hữu : 10% _sở hữu cá nhân: 0,01%	không	có	_ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Đồng Nai -Kratie _ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Tân Biên -Congponghom _ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Chư Prông -Stungcheng _ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Thành phố HCM
4	Phạm Văn Luyện UV HĐQT	_sở hữu cá nhân: 0,006%	không	không	_Phó Tổng Giám đốc Cty. _ Chủ tịch HĐQT Cty CP Cao su Đồng Phú -Đắc Nông

					_UV HĐQT Cty CP Cao su Sa Thầy.
5	Hồ Cường UV HĐQT	_sở hữu cá nhân: 0,004%	không	không	_Phó Tổng Giám đốc Cty. _ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Đồng Phú -Kratie

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT : chưa thành lập.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị :

- Các cuộc họp của HĐQT :

* HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016: (Do Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/04/2012 bầu)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ô.Đặng Gia Anh	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ô.Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	4/4	100%	
3	Ô.Phạm Văn Luyện	Thành viên	4/4	100%	
4	Ô.Phạm Văn Hằng	Thành viên	4/4	100%	
5	Ô. Hồ Cường	Thành viên	4/4	100%	

- Kết quả các cuộc họp : các nghị quyết đã ra :

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	21/NQ_HĐQT	22/03/2012	_Thông qua các nội dung chuẩn bị trình ĐHĐ Cổ đông thường niên. _Cử đại diện phần vốn tại Cty CP CS Sa Thầy và Cty CPCS Kỹ thuật Đồng Phú.

2	31/NQ_HĐQT	27/04/2012	_Bầu Ô.Đặng Gia Anh là Chủ tịch HĐQT NK 2012-2016 _Bổ nhiệm Ô. Nguyễn Thanh Hải làm Tổng Giám đốc NK 2012-2016. _Chi tạm ứng cổ tức đợt 2/2011 là 15%.
3	49/NQ_HĐQT	18/06/2012	_Chi cổ tức đợt 3/2011 là 20%. _Chủ trương mở 02 văn phòng đại diện tại TPHCM và Hà Nội. _Dự kiến góp 12 tỷ vào Cty CP Du lịch cao su Hàm Rồng.
4	79/NQ_HĐQT	25/07/2012	Bổ nhiệm Ô.Hồ Cường làm Phó Tổng Giám đốc Công ty.
5	99/NQ_HĐQT	29/08/2012	_Chủ trương góp 12 tỷ vào Cty CP Du lịch cao su Hàm Rồng và cử người đại diện vốn. _Chủ trương mua lại cổ phiếu Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú từ Quỹ Việt Long. _Chủ trương mua cổ phiếu quỹ năm 2012.
6	117/NQ_HĐQT	30/10/2012	_Chủ trương v/v phần đấu hoàn thành kế hoạch năm 2012. _Chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2012 là 15%. _Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT. _Bổ nhiệm Giám đốc Nhà máy Chế biến Tân Lập. _Chủ trương thành lập Phòng Công nghiệp.

d)Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành:

+ Công ty hiện không có thành viên HĐQT độc lập.

+ Có 02 thành viên HĐQT không điều hành là Ô.Đặng Gia Anh và Ô.

Phạm Văn Hằng. Hoạt động của 02 thành viên không điều hành này theo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và sự phân công, phân nhiệm trong Hội đồng quản trị.

e)Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT : chưa thành lập.

f)Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị Công ty

1.Đặng Gia Anh

2.Nguyễn Thanh Hải

3.Phạm Văn Luyện

4.Phạm Văn Hằng

Riêng Ô. Hồ Cường do mới được bầu vào HĐQT từ tháng 04/2012 nên chưa sắp xếp được thời gian tham gia chương trình đào tạo để lấy chứng chỉ.

2. Ban Kiểm soát :

a) Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/tổng số CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Huỳnh Minh Tâm	Cử nhân Kinh tế	0,007 %	Trưởng ban
2	Bùi Thanh Tâm	Cử nhân Tài chính kế toán	Không	Thành viên
3	Trần Vĩnh Tuấn	Kỹ sư nông học	0,002 %	Thành viên

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm, Ban Kiểm soát họp 03 lần. Một để phân công nhiệm vụ và hai để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ trong năm.

Trong thành phần ban Kiểm soát có 02 người là người lao động của Công ty nên có điều kiện tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh và kiểm tra, kiểm soát định kỳ hàng quý, 6 tháng tại Công ty.

Thành viên còn lại là chuyên viên Ban Tài chính – kế toán của Tập Đoàn CN Cao su nên ở góc độ Tập Đoàn cũng đã tham gia trong việc kiểm tra Công ty thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như trong việc tuân thủ pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích trong năm 2012:

TT	Họ và tên	Lương & thưởng	Phụ cấp	Cộng	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị				
1	Đặng Gia Anh	793.854.000	28.000.000	821.854.000	Phụ cấp từ T1-T4, lương chuyên

	Chủ tịch HĐQT				trách từ tháng 5.
2	Nguyễn Thanh Hải UV kiêm Tổng GD	917.546.000	111.600.000	1.029.146.000	
3	Phạm Văn Luyện kiêm Phó TGD	610.848.000	108.000.000	718.848.000	
4	Phạm Văn Hằng UV HĐQT	20.000.000	80.000.000	100.000.000	Phụ cấp nhận từ tháng 05/2012
5	Hồ Cường kiêm Phó TGD	247.703.000	80.000.000	327.703.000	Như trên, lương nhận từ tháng 6/2012
II	Ban Tổng Giám đốc				
1	Ngô Trường Kỳ Phó Tổng GD	609.657.000	không	609.657.000	
III	Ban Kiểm soát				
1	Huỳnh Minh Tâm	390.608.000	108.000.000	498.608.000	
2	Bùi Thanh Tâm	5.000.000	56.000.000	61.000.000	Phụ cấp nhận từ tháng 05/2012
3	Trần Vĩnh Tuấn	329.007.000	73.800.000	402.807.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm không có giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người liên quan.

c) Giao dịch với cổ đông nội bộ:

Các giao dịch phát sinh trong năm với các bên có liên quan.

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắc Nông	Công ty con	Góp vốn điều lệ	13.850.584.302
Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú	Công ty con	Góp vốn điều lệ	10.200.000.000
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Công ty con	Góp vốn điều lệ	47.395.000.000
Công ty Cổ phần Đồng Phú Karatie	Công ty liên kết	Góp vốn điều lệ	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	Công ty liên quan	Góp vốn điều lệ	7.800.000.000
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Công ty liên quan	Góp vốn điều lệ	4.620.140.000
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Công ty con	Mua hàng	2.540.034.363
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Công ty con	Bán hàng	9.302.000.000
Công ty CP Du lịch Cao su Hàm Rồng	Công ty liên quan	Góp vốn điều lệ	11.942.820.445

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Theo quy định của Thông tư 121/TT-BTC ngày 26/07/2012 có hiệu lực từ ngày 17/09/2012, hiện tại Công ty chưa thực hiện được các quy định :

+ Quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập.

- + Quy định về điều lệ mẫu của Công ty niêm yết.
- + Quy định về việc lập các tiểu ban của HĐQT
- + Việc ban hành quy chế quản trị công ty theo quy định mới

Lý do : khi quy định có hiệu lực thì đã qua kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên nên sẽ thực hiện ở kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 sắp tới.

VI/- BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA)

Địa chỉ : Tầng 14, tòa nhà HH3, khu đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm Hà nội - Việt Nam

Email: ava@kiemtoanava.com.vn

Website :

<http://www.kiemtoanava.com.vn>

- Ý kiến kiểm toán độc lập : *“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần cao su Đồng Phú tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2012, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý có liên quan.”*

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý) : Không có

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - Tài sản ngắn hạn		1.518.183.079.769	1.342.763.435.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		646.446.078.825	822.455.959.715
1. Tiền	V.01	104.214.150.000	75.694.349.115

2. Các khoản tương đương tiền		542.231.928.825	746.761.610.600
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		394.278.026.800	170.161.048.244
1. Đầu tư ngắn hạn	V.02	394.278.026.800	170.161.048.244
2. DP giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		177.357.265.579	131.478.415.922
1. Phải thu của khách hàng		75.394.110.229	40.745.714.425
2. Trả trước cho người bán		14.412.017.656	16.693.920.522
5. Các khoản phải thu khác	V.03	88.632.083.694	74.038.780.975
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		(1.080.946.000)	0
IV. Hàng tồn kho		225.843.725.222	192.241.531.027
1. Hàng tồn kho	V.04	230.539.699.806	192.241.531.027
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.695.974.584)	0
V. Tài sản ngắn hạn khác		74.257.983.343	26.426.480.645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		76.894.433	519.745.381
2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.829.062.553	546.259.924
3. Thuế và các khoản phải thu khác của Nhà nước	V.05	61.756.305.935	15.314.447.468
4. Tài sản ngắn hạn khác	V.06	7.595.720.422	10.046.027.872
B - Tài sản dài hạn		1.302.989.315.079	1.087.314.493.416
I. Các khoản phải thu dài hạn		0	0
II. Tài sản cố định		803.342.489.205	636.879.066.876
1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	517.289.750.831	389.339.381.757
- Nguyên giá		830.424.194.134	658.441.750.415
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(313.134.443.303)	(269.102.368.658)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	V.08	14.513.422	20.558.326
- Nguyên giá		69.599.325	56.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(55.085.903)	(36.241.674)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.09	286.038.224.952	247.519.126.793
III. Bất động sản đầu tư	V.10	47.687.459.904	19.586.979.778
- Nguyên giá		49.940.926.779	20.204.336.101
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.253.466.875)	(617.356.323)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		447.718.539.967	430.070.863.169
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.11	295.692.942.977	291.215.855.924
3. Đầu tư dài hạn khác	V.12	155.540.887.790	160.074.356.745
4. DP giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	V.13	(3.515.290.800)	(21.219.349.500)
V. Lợi thế thương mại		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác		4.240.826.003	777.583.593
1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	3.934.032.255	777.583.593
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.793.748	0
3. Tài sản dài hạn khác		300.000.000	0
Tổng cộng tài sản		2.821.172.394.848	2.430.077.928.969

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - Nợ phải trả		556.960.318.051	491.055.911.488

I. Nợ ngắn hạn		377.198.776.265	332.837.109.174
1. Vay và nợ ngắn hạn	V.15	85.076.825.100	423.000.000
2. Phải trả người bán		1.873.290.379	3.463.115.627
3. Người mua trả tiền trước		20.780.079.208	19.793.435.709
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	40.275.419.998	991.243.827
5. Phải trả công nhân viên		197.110.465.779	278.156.474.878
6. Chi phí phải trả	V.17	943.265.955	240.000.000
7. Phải trả nội bộ		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.18	20.520.369.194	17.076.872.479
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.619.060.652	12.692.966.654
II. Nợ dài hạn		179.761.541.786	158.218.802.314
1. Phải trả dài hạn người bán		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	V.19	78.886.240.863	62.884.152.417
4. Vay và nợ dài hạn	V.20	42.001.000.000	35.077.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		0	2.641.891.960
8. Doanh thu chưa thực hiện	V.21	58.874.300.923	57.615.757.937
B - Vốn chủ sở hữu		2.179.990.417.291	1.910.112.773.262
I. Vốn chủ sở hữu	V.22	2.179.990.417.291	1.910.112.773.262
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		430.000.000.000	430.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		147.271.822.000	147.271.822.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		34.674.825.230	34.450.706.994
7. Quỹ đầu tư phát triển		623.968.002.252	470.794.211.646
8. Quỹ dự phòng tài chính		160.281.674.932	84.778.288.141
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		783.794.092.877	742.817.744.481
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		0	0
1. Nguồn kinh phí		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0	0
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số		84.221.659.506	28.909.244.219
Tổng cộng nguồn vốn		2.821.172.394.848	2.430.077.928.969

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		0	0

2. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		0	0
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.969.792,59	344.825,87
- EURO		205,56	0,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, chi dự án		0	0

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.23	1.384.643.243.393	1.837.201.957.069
2. Các khoản giảm trừ	VI.24	7.692.149.307	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	1.376.951.094.086	1.837.201.957.069
4. Giá vốn hàng bán	VI.26	823.643.931.934	970.977.994.307
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		553.307.162.152	866.223.962.762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.27	97.994.986.760	107.103.007.789
7. Chi phí tài chính	VI.28	5.317.608.283	8.443.655.728
- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.060.181.231	2.546.263.728
8. Chi phí bán hàng		14.438.234.257	14.383.586.569
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		54.182.730.693	85.413.767.022
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		577.363.575.679	865.085.961.232
11. Thu nhập khác	VI.29	14.264.483.232	11.532.544.843
12. Chi phí khác	VI.30	2.654.123.839	2.174.234.025
13. Lợi nhuận khác		11.610.359.393	9.358.310.818
14. Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		(255.135.342)	(3.233.121.202)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		588.718.799.730	871.211.150.848
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.31	50.459.355.482	68.247.535.644
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		538.259.444.248	802.963.615.204
17.1 Lợi ích cổ đông thiểu số		(1.489.580.614)	474.065.727
17.2 Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế		0	0
17.3 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		539.749.024.862	802.489.549.477
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.33	12.552	19.008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2012

Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
-------	----------	---------	-----------

1	2	3	4
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX kinh doanh		
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	1.334.233.256.466	1.831.255.667.447
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	(129.195.081.261)	(128.133.187.069)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(459.466.251.391)	(479.871.554.916)
04	4. Tiền chi trả lãi	(4.907.279.363)	(2.206.180.555)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(95.901.470.958)	(94.101.313.312)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	141.075.716.392	230.350.074.622
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	(403.327.991.927)	(532.448.088.661)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	382.510.897.958	824.845.417.556
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	(150.428.378.216)	(131.978.476.332)
22	2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.382.570.863	17.504.880.191
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	(1.000.020.000.000)	(1.064.734.449.960)
24	4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ DH khác	722.172.152.376	854.222.646.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(51.623.333.624)	(81.254.021.418)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.515.565.818	0
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	97.193.531.910	67.615.134.601
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(365.807.890.873)	(338.624.286.918)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	0	0
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	43.500.000.000	101.983.556.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(17.499.000.000)	(105.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	0	0
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(218.702.607.451)	(165.424.780.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(192.701.607.451)	(168.441.224.000)
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(175.998.600.366)	317.779.906.638
60	TIỀN TỒN ĐẦU NĂM	822.455.959.715	507.874.192.044
61	Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(11.280.524)	(3.198.138.967)
70	TIỀN TỒN CUỐI NĂM	646.446.078.825	822.455.959.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.**01. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú – Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quyết định số 3441/QĐ-BNN – ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 4403000069 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 3800100376 ngày 04/5/2012 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tỷ đồng); Tổng số cổ phần là 43.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần. Danh sách cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
01	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	240.000.000.000	24.000.000	55,81%
02	Cổ đông khác	190.000.000.000	19.000.000	44,19%
	Cộng	430.000.000.000	43.000.000	100%

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012 bao gồm:

Đơn vị	Địa chỉ
1. Văn phòng Công ty	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
2. Nông trường Cao su An Bình	Xã An Bình, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương
3. Nông trường Cao su Tân Lập	Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
4. Nông trường Cao su Tân Thành	Xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài Tỉnh Bình Phước
5. Nông trường Cao su Thuận Phú	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
6. Nông trường Cao su Tân Lợi	Xã Tiến Hưng, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
7. Nông trường Cao su Tân Hưng	Xã Tân Hưng, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
8. Xí nghiệp Chế biến mủ Thuận Phú	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
9. Xí nghiệp Vật tư Vận tải	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
10. Nhà máy chế biến mủ Tân Lập	Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
11. Trung tâm Y tế	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

02. Công ty con

Công ty con của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông	Xã Ea Po, Huyện Cư Jut, Tỉnh Đắk Nông
Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng	Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Phú

Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú

Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình
Phước**03. Công ty liên kết**

Công ty liên kết của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Công ty Cổ phần Gỗ Đồng Phú	Xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

04. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Trồng và chế biến mủ cao su; Thanh lý vườn cây cao su);
 - Chăn nuôi gia cầm;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Xây dựng nhà các loại (Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp; xây dựng dân dụng, công nghiệp);
 - Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, kinh doanh địa ốc);
 - Trồng rừng và chăm sóc rừng (Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, khai thác chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ rừng trồng);
 - Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Công nghiệp hóa chất phân bón);
 - Chăn nuôi trâu, bò;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mua bán gỗ cao su);
- Khai thác gỗ (Khai thác gỗ cao su).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

01. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính V/v Hướng dẫn sử đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Báo cáo thường niên 2012

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

01. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

Trường hợp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.

Nhóm tài sản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam, đồng thời theo dõi chi tiết ngoại tệ theo từng nguyên tệ và được phản ánh trên tài khoản ngoại bảng.

Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được để số dư trên Báo cáo tài chính ghi nhận vào chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán đầu kỳ sau ghi bút toán đảo ngược để xóa số dư.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu ...) có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, hoặc bán ra chứng khoán để kiếm lời; Các khoản đầu tư ngắn hạn khác bao gồm các khoản cho vay mà thời hạn thu hồi không quá một năm.

Trong trường hợp đầu tư bằng tiền hoặc hiện vật (Tài sản cố định, nguyên liệu, hàng hóa...) thì giá trị khoản đầu tư được tính theo giá thỏa thuận của các bên tham gia đầu tư đối với các tài sản đưa đi đầu tư. Phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị ghi sổ kế toán của Công ty với giá trị tài sản được đánh giá lại được phản ánh vào thu nhập hoặc chi phí trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư được theo dõi chi tiết cho từng khoản đầu tư, từng hợp đồng vay.

Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được và giá gốc ghi trên sổ kế toán. Chênh lệch tăng hoặc giảm giữa số dự phòng phải trích lập với số đã trích lập được điều chỉnh vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Chênh lệch giảm được giảm trừ chi phí hoạt động tài chính tối đa bằng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ phần còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường; Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (gọi chung là vật tư) để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị vật tư tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thành phẩm được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

05. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

06. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ – CSVN ngày 27/04/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành điều chỉnh khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm. Cụ thể như sau:

<i>Năm khai thác</i>	<i>Tỷ lệ khấu hao theo %</i>
- Năm thứ 1	2,50
- Năm thứ 2	2,80
- Năm thứ 3	3,50
- Năm thứ 4	4,40
- Năm thứ 5	4,80
- Năm thứ 6	5,40
- Năm thứ 7	5,40
- Năm thứ 8	5,10
- Năm thứ 9	5,10
- Năm thứ 10	5,00
- Năm thứ 11	7,00
- Năm thứ 12	6,60
- Năm thứ 13	6,20
- Năm thứ 14	5,90
- Năm thứ 15	5,50
- Năm thứ 16	5,40
- Năm thứ 17	5,00
- Năm thứ 18	5,00
- Năm thứ 19	5,20

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập hợp và theo dõi các khoản chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán công trình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

08. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết

Trên Báo cáo tài chính riêng của từng đơn vị thành viên

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, các khoản đầu tư được trình bày theo các quy định đề cập trong mục IV.20 điểm a

09. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập riêng cho từng khoản đầu tư của Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán (trên một năm tài chính). Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng niên độ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí mà lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý. Các khoản chi phí này được theo dõi chi tiết cho từng khoản chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt nam đồng theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động đầu tư được hạch toán

và lũy kế đến thời điểm dự án chính thức đi vào hoạt động sẽ được phân bổ vào doanh thu hoặc chi phí theo quy định hiện hành.

Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT – BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính v/v Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19. Tính giá thành sản phẩm

a/ Đối với sản phẩm chính là mủ cao su : Giá thành sản phẩm tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo năm được chia thành hai công đoạn là giai đoạn khai thác mủ cao su nguyên liệu và giai đoạn chế biến ra mủ cao su thành phẩm.

b/ Với các sản phẩm phụ : Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp.

20. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

a. Các chuẩn mực áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập tuân theo các quy định của hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam gồm có:

- Chuẩn mực kế toán số 07 – kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh.
- Chuẩn mực kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh.
- Chuẩn mực kế toán số 21 – Trình bày Báo cáo tài chính.
- Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào Công ty con

(Ban hành theo các Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ – BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

b. Cơ sở số liệu hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được hợp nhất dựa trên cơ sở các Báo cáo tài chính sau :

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty con - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty con - Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty con - Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

Báo cáo các Công ty liên kết khi hợp nhất được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu; Cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty liên kết – Công ty Cổ phần Gõ Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie do Công ty lập.

Danh sách thông tin về các đơn vị được hợp nhất

Công ty mẹ

Đơn vị

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú

55,81 %

Các Công ty con

Đơn vị

01. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông

02. Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú Phước

động sản

03. Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú

%

Công ty liên kết

Đơn vị

Nội dung thông tin

Trụ sở: Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Công ty Cổ phần, Nhà nước giữ cổ phần

Nội dung thông tin

Địa chỉ: Huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, Khai thác và chế biến cao su.

Tỷ lệ lợi ích: 88,41 %

Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 92 %

Địa chỉ: Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình

Hoạt động kinh doanh chính: Bất

Tỷ lệ lợi ích: 51,22 %

Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 51 %

Địa chỉ: Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ cao su

Tỷ lệ lợi ích: 68,92 %

Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 68,92

01. Công ty Cổ phần Gỗ Cao su Đồng Phú

Doruco.com.vn

Địa chỉ: Xã Tân Thành, Thị xã Đồng
 Xoài, Tỉnh Bình Phước
 Hoạt động kinh doanh chính: Sản
 xuất các sản phẩm từ gỗ rừng trồng
 Tỷ lệ lợi ích: 40 %
 Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 40 %

02. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie

Địa chỉ: Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình
 Phước
 Hoạt động kinh doanh chính: Trồng,
 khai thác cao su
 Tỷ lệ lợi ích: 49 %
 Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 49 %

Ghi chú: Tỷ lệ lợi ích được xác định trên vốn thực góp của Công ty mẹ - Công ty CP Cao su Đồng Phú vào các Công ty con, Công ty liên kết chia cho tổng vốn thực nhận tại các Công ty con, Công ty liên kết.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị tính : VND

01. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	1.244.245.441	1.632.716.297
Tiền gửi ngân hàng	102.969.904.559	74.061.632.818
Tiền đang chuyển	0	0
Cộng	104.214.150.000	75.694.349.115
02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
a. Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
b. Đầu tư ngắn hạn khác, trong đó:	394.278.026.800	170.161.048.244
- Tiền gửi có kỳ hạn	342.278.026.800	68.161.048.244
- Cho vay ngắn hạn	52.000.000.000	102.000.000.000
Cộng	394.278.026.800	170.161.048.244
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.183.869.010	14.866.675.976
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	26.657.936.242	2.980.809.515
Phải thu Công ty Đồng Phú Kratie	29.700.000.000	28.700.000.000
Phải thu Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú	0	14.792.950.000
Dự án trồng Cao Su xóa đói giảm nghèo tỉnh Bình Phước	10.380.772.156	4.294.061.540
Phải thu Dự án trồng Cao su Công An huyện Đồng Phú	2.973.661.300	3.000.147.000
Dự án Đăng Hà	0	23.686.119

Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	1.135.000.000	1.135.000.000
Phải thu ứng bồi thường đất	1.164.063.250	969.063.250
Phải thu khác	1.436.781.736	3.276.387.575
Cộng	88.632.083.694	74.038.780.975

04. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.919.709.633	2.836.958.781
Công cụ, dụng cụ	473.874.607	733.070.239
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144.970.389.885	67.694.717.582
Thành phẩm	69.294.462.744	119.412.598.587
Hàng gửi bán	10.881.262.937	1.564.185.838
Cộng giá gốc hàng tồn kho	230.539.699.806	192.241.531.027

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả là: 0 đồng
- Giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 4.695.974.584 đồng. Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ là 0 đồng.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2012 là 225.843.725.222 đồng.

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	7.801.998	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.441.746.399	10.383.113.046
Thuế thu nhập cá nhân	1.886.725.665	531.334.422
Tiền thuê đất	4.420.031.873	4.400.000.000
Cộng	61.756.305.935	15.314.447.468

06. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	0	0
Tạm ứng	7.595.720.422	10.046.027.872
Tài sản thiếu chờ xử lý	0	0
Cộng	7.595.720.422	10.046.027.872

07 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết xem Phụ lục 1 kèm theo)

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình			

Số dư đầu năm	33.000.000	23.800.000	56.800.000
- Mua trong năm	12.799.325	0	12.799.325
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
Số dư cuối năm	45.799.325	23.800.000	69.599.325
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	20.375.010	15.866.664	36.241.674
- Khấu hao trong năm	10.910.897	7.933.332	18.844.229
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
Số dư cuối năm	31.285.907	23.799.996	55.085.903
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	12.624.990	7.933.336	20.558.326
- Tại ngày cuối năm	14.513.418	4	14.513.422

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình Nông nghiệp	208.112.351.966	176.627.546.693
Vườn cây cao su tái canh, trồng mới năm 2005	0	16.679.696.583
Vườn cây cao su tái canh, trồng mới năm 2006	46.864.047.350	40.187.320.223
Vườn cây cao su tái canh, trồng mới năm 2007	16.307.106.427	13.927.440.239
Vườn cây cao su tái canh, trồng mới năm 2008	15.386.197.772	12.577.457.881
Vườn cây cao su tái canh, trồng mới năm 2009	20.422.966.335	16.590.501.630
Vườn cây cao su tái canh năm 2010	15.196.491.480	11.155.843.454
Vườn cây cao su tái canh năm 2011	8.646.106.400	5.932.154.078
Vườn cây cao su tái canh năm 2012	11.509.539.689	24.901.818
Vườn cây cao su của Công ty CP Cao su Đắk Nông	73.704.248.365	59.528.756.457
Vườn cây cao su tái canh năm 2013	52.173.818	0
Cây rừng trồng xen	23.474.330	23.474.330
Xây dựng công trình giao thông	1.197.288.472	1.080.205.562
Xây dựng Công trình điện nước	14.704.356	0
Xây dựng công trình kiến trúc	0	341.065.897
Kiến thiết cơ bản khác	69.975.882.432	59.624.691.468
Dự án trồng mới Cao Su Nông trường Tân Hưng	14.527.127.282	18.337.730.447
Dự án khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	11.542.617.237	10.191.246.463
Chi phí đền bù giải tỏa Đắk Nông	34.550.971.790	31.095.714.558
Chi phí đầu tư tại Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú	9.190.296.428	0
Chi phí khác	164.869.695	0
Lãi Vay đầu tư dự án Cao su	6.737.997.726	6.750.517.173

Chi phí hệ thống thiết bị	0	3.095.100.000
Cộng	286.038.224.952	247.519.126.793

10. Bất động sản đầu tư Là giá trị hạ tầng khu công nghiệp của Công ty con - Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đã xây dựng hoàn thành và đã cho khách hàng thuê.

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	0	51.179.334.583
Công ty Cổ phần Gỗ Đồng Phú	16.354.394.570	16.242.159.061
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Karatie	279.338.548.407	223.794.362.280
Cộng	295.692.942.977	291.215.855.924

12. Đầu tư dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
a. Đầu tư cổ phiếu (*)	8.084.066.000	38.534.066.000
b. Góp vốn đầu tư	137.547.281.590	113.184.321.145
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Cao su	23.000.000.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Thẻ Thao Cao su Phú Riềng	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	35.600.000.000	27.800.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	8.556.200.000	3.936.060.000
Công ty TNHH Đầu tư Cơ sở Hạ tầng VRG	43.493.072.157	43.493.072.157
Khu Tái Định cư Phước Vĩnh	3.005.188.988	3.005.188.988
Trạm trộn bê tông	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Cao su Hàm Rồng	11.942.820.445	0
Công ty CP Kinh doanh BOT đường ĐT 741	10.000.000.000	10.000.000.000
c. Đầu tư trái phiếu	0	0
d. Trái phiếu kho bạc	0	0
e. Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	9.909.540.200	8.355.969.600
Cộng	155.540.887.790	160.074.356.745

Ghi chú: (*) Chi tiết đầu tư cổ phiếu

Đầu tư dài hạn khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty CP Chế biến Gỗ Thuận An	502.941	7.136.466.000	502.941	7.136.466.000
Chứng chỉ quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Long	0	0	3.000.000	30.450.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Khu Công nghiệp Hồ Nai	9.200	947.600.000	9.200	947.600.000
Cộng		8.084.066.000		38.534.066.000

13. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
--------------------------------------	-----------------	----------------

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	(3.515.290.800)	(3.867.349.500)
Quỹ đầu tư Việt Long	0	(17.352.000.000)
Cộng	(3.515.290.800)	(21.219.349.500)

Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán tại ngày 31/12/2012 như sau :

Công ty	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị trên sổ kế toán tại ngày 31/12/2012	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2012	Giá trị dự phòng
Công ty CP Chế biến Gỗ Thuận An	502.941	7.136.466.000	3.621.175.200	(3.515.290.800)
Cộng		7.136.466.000	3.621.175.200	(3.515.290.800)

Ghi chú: Giá thị trường Công ty trích lập dự phòng là giá đóng cửa ngày 31/12/2012 tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

14. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí môi giới cho thuê hạ tầng	1.768.397.306	191.835.354
Chi phí khác	273.782.567	0
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.891.852.382	585.748.239
Cộng	3.934.032.255	777.583.593

15. Vay và nợ ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	68.000.825.100	0
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	17.076.000.000	423.000.000
Cộng	85.076.825.100	423.000.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT	6.420.457.421	543.367.965
Thuế xuất nhập khẩu	493.546.219	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	233.708	383.715.831
Thuế thu nhập cá nhân	60.086.900	64.160.031
Thuế chuyển quyền sử dụng đất	33.301.095.750	0
Cộng	40.275.419.998	991.243.827

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty mẹ, Công ty con và các Công ty liên kết áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế khác

Công ty mẹ, Công ty con và các Công ty liên kết áp dụng các loại sắc thuế khác như thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân.. theo đúng quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động kinh doanh chính theo điểm 1.d, mục IV và điểm 2.b, mục III phần E thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ tài chính bao gồm: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trong thời gian 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm nay là năm hoạt động thứ 06 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú) ; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo (Năm 2012 là năm thứ 4 kể từ khi có thu nhập chịu thuế của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú). Cho niên độ kế toán năm 2012, Công ty mẹ đã áp dụng Thông tư số 154/2011/TT – BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính v/v Hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ – CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (công ty con) được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động kinh doanh chính theo điểm 4, mục III và điểm 3, mục III phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính bao gồm: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 20% trong thời gian 10 năm, được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động ưu đãi thuế (năm nay là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú có doanh thu từ hoạt động ưu đãi thuế); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

- Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đắc Nông (công ty con) được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động kinh doanh chính theo điểm 3, mục III và điểm 2.g, mục IV phần E Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính bao gồm: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% trong thời gian 15 năm, được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động ưu đãi thuế; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Ghi chú: Các báo cáo thuế của Công ty mẹ, các Công ty con và các Công ty liên kết sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	456.000.000	0
Trích trước chi phí lãi vay	224.460.399	0
Trích trước chi phí kiểm toán	211.000.000	0
Chi phí phải trả khác	51.805.556	240.000.000
Cộng	943.265.955	240.000.000

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	8.058.831.880	5.782.474.034
Bảo hiểm xã hội	800.000.000	39.398.537
Bảo hiểm y tế	0	36.350.116
Phải trả công ty mua bán nợ về thanh lý vườn cây	4.071.198.540	4.071.198.540
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	296.362.500	220.443.240

Phải trả Quỹ bảo hiểm xuất khẩu cao su	668.785.914	1.002.814.307
Phải trả tiền mua đất tái định cư	1.599.945.000	1.599.945.000
Bảo hiểm thất nghiệp	0	2.920.652
Phải trả về thu mua mủ cao su tiểu điền tại các nông trường	2.326.633.208	3.093.241.368
Phải trả khác	2.698.612.152	1.228.086.685
Cộng	20.520.369.194	17.076.872.479

19. Phải trả dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả về thu tiền góp vốn đầu tư Khu dân cư	78.568.482.566	62.566.394.120
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	317.758.297	317.758.297
Cộng	78.886.240.863	62.884.152.417

20. Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
1. Vay dài hạn	42.001.000.000	35.077.000.000
Vay ngân hàng	42.001.000.000	35.077.000.000
2. Nợ dài hạn	0	0
Cộng	42.001.000.000	35.077.000.000

Ghi chú: Số dư vay dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2012 gồm khoản vay của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú với số dư nợ vay là 30.001.000.000 đồng và số dư nợ vay tại Công ty con - Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú với số dư là 12.000.000.000 đồng ; cụ thể như sau:

+) Khoản vay của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú là khoản vay dài hạn Quỹ Phát triển- Chi nhánh Bình Phước theo hợp đồng số 09-2005/HĐTD lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 168 tháng; Mục đích vay: Đầu tư trồng cao su tại Nông trường Tân Hưng; Đảm bảo: Bằng tài sản.

+) Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú là khoản vay dài hạn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Bình Phước, hợp đồng tín dụng số 25/2009/HĐTD - NHPT ngày 01/07/2009, lãi suất vay 6,9%/năm, thời gian vay 67 tháng; Mục đích vay: Đầu tư dự án Nhà máy cao su Kỹ thuật Đồng Phú; Bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp tài sản hình thành trong tương lai; Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án Nhà máy cao su Kỹ thuật Đồng Phú.

21. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối năm	Đầu năm
Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	58.340.855.908	57.615.757.937
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa phân bổ	533.445.015	0
Cộng	58.874.300.923	57.615.757.937

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (chi tiết xem Phụ lục 02)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	240.000.000.000	240.000.000.000
Cổ đông khác	190.000.000.000	190.000.000.000
Cộng	430.000.000.000	430.000.000.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	430.000.000.000	430.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	430.000.000.000	430.000.000.000

d- Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.000.000	43.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.000.000	43.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>43.000.000</i>	<i>43.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng Cổ phiếu được Mua lại	0	0
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	43.000.000	43.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>43.000.000</i>	<i>43.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

* *Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ/ cổ phiếu*

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính : VND

23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Trong đó		
Doanh thu mở khai thác	1.022.259.629.360	1.353.386.723.145
Doanh thu thu mua tiêu điện	193.405.187.864	377.517.686.372
Doanh thu bán đệm cao su và các sản phẩm khác	18.551.981.971	0
Doanh thu cung cấp dịch vụ chế biến	9.823.869.520	5.741.596.800
Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	1.753.038.938	989.082.348
Doanh thu khác	138.849.535.740	99.566.868.404
Cộng	1.384.643.243.393	1.837.201.957.069

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Trong đó:		

Thuế xuất khẩu	7.692.149.307	0
Cộng	7.692.149.307	0

25. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu mở khai thác	1.014.567.480.053	1.353.386.723.145
Doanh thu thu mua tiểu điền	193.405.187.864	377.517.686.372
Giá vốn sản xuất đệm cao su và các sản phẩm khác	18.551.981.971	0
Doanh thu cung cấp dịch vụ chế biến	9.823.869.520	5.741.596.800
Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	1.753.038.938	989.082.348
Doanh thu khác	138.849.535.740	99.566.868.404
Cộng	1.376.951.094.086	1.837.201.957.069

26. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn mở khai thác	584.209.244.215	592.109.835.119
Giá vốn mở thu mua tiểu điền	192.407.142.950	356.355.432.105
Giá vốn cung cấp dịch vụ chế biến	6.082.910.165	4.936.979.667
Giá vốn cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	1.754.796.463	562.924.195
Giá vốn của đệm cao su và các sản phẩm khác	21.729.627.806	0
Giá vốn khác	14.899.085.708	16.429.211.324
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	1.219.834.328	583.611.897
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.341.290.299	0
Cộng	823.643.931.934	970.977.994.307

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	94.740.249.160	78.515.424.017
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.844.646.900	4.611.846.900
Lãi bán ngoại tệ	87.780.000	12.799.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.322.310.700	11.175.936.872
Cộng	97.994.986.760	107.103.007.789

28. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.271.936.787	2.546.263.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	563.511.014	983.378.900
Lỗ do bán ngoại tệ	251.785.000	40.778.300
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(769.624.518)	4.873.234.800
Cộng	5.317.608.283	8.443.655.728

29. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản	0	85.000.000
Thu bán nước sinh hoạt	930.477.619	785.971.769
Bất lợi thương mại khi hợp nhất kinh doanh	4.305.000.000	0
Thu nhập từ sản phẩm phụ thu hồi	1.511.916.576	0
Thu nhập từ chăn nuôi	616.016.000	0
Thu nhập khác	6.901.073.037	10.661.573.074
Cộng	14.264.483.232	11.532.544.843

30. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí từ hợp đồng cạo mù trường cơ khí	0	595.454.000
Chi phí nước sinh hoạt	918.934.893	755.401.394
Chi phí chăn nuôi	580.016.000	0
Chi phí khác	1.155.172.946	823.378.631
Cộng	2.654.123.839	2.174.234.025

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	50.459.355.482	68.247.535.644
Cộng	50.459.355.482	68.247.535.644

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	539.749.024.862	802.489.549.477
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	43.000.000	43.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.552	18.663

V. Thông tin khác.

01. Giao dịch với các bên liên quan: Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

a. Giao dịch với các thành viên chủ chốt

Thù lao hội đồng quản trị	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	0	0
Số phải trả trong năm	1.302.400.000	609.600.000
Số đã trả trong năm	846.400.000	609.600.000
Số còn phải trả cuối năm	456.000.000	0

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Năm nay	Năm trước
---	----------------	------------------

		Doruco.com.vn
Tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN	2.808.366.841	2.545.111.177
Tiền thưởng	384.000.000	128.583.000
Cộng	3.192.366.841	2.673.694.177

b. Các bên liên quan : Tại ngày ngày 31/12/2012, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Mua bán mủ cao su	5.147.426.870
Công ty Cổ phần Đồng Phú Karatie	Công ty liên kết	Phải thu về tiền mượn vốn	29.700.000.000
Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú	Công ty con	Phải thu về tiền mượn vốn	1.335.000.000

Các giao dịch phát sinh trong năm với các bên có liên quan.

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắc Nông	Công ty con	Góp vốn điều lệ	13.850.584.302
Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú	Công ty con	Góp vốn điều lệ	10.200.000.000
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Công ty con	Góp vốn điều lệ	47.395.000.000
Công ty Cổ phần Đồng Phú Karatie	Công ty liên kết	Góp vốn điều lệ	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	Công ty liên quan	Góp vốn điều lệ	7.800.000.000
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Công ty liên quan	Góp vốn điều lệ	4.620.140.000
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Công ty con	Mua hàng	2.540.034.363
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Công ty con	Bán hàng	9.302.000.000
Công ty CP Du lịch Cao su Hàm Rồng	Công ty liên quan	Góp vốn điều lệ	11.942.820.445

02. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương				
tiền	646.446.078.825	822.455.959.715	646.446.078.825	822.455.959.715
TS tài chính sẵn sàng để bán	841.996.566.767	600.231.911.413	841.996.566.767	600.231.911.413
Đầu tư tài chính ngắn hạn				
Đầu tư tài	394.278.026.800	170.161.048.244	394.278.026.800	170.161.048.244
Đầu tư tài	447.718.539.967	430.070.863.169	447.718.539.967	430.070.863.169

chính
dài hạn
Phải thu
khách
hàng

	75.394.110.229	40.745.714.425	75.394.110.229	40.745.714.425
Các khoản phải thu khác	88.632.083.694	74.038.780.975	88.632.083.694	74.038.780.975
Cộng	1.652.468.839.515	1.537.472.366.528	1.652.468.839.515	1.537.472.366.528

**B. Nợ
phải trả
tài
chính**

Vay và nợ	127.077.825.100	35.500.000.000	127.077.825.100	35.500.000.000
Phải trả cho người bán	1.873.290.379	3.463.115.627	1.873.290.379	3.463.115.627
Phải trả cho người lao động	197.110.465.779	278.156.474.878	197.110.465.779	278.156.474.878
Chi phí phải trả	943.265.955	240.000.000	943.265.955	240.000.000
Các khoản phải trả khác	99.406.610.057	79.961.024.896	99.406.610.057	79.961.024.896
Cộng	426.411.457.270	397.320.615.401	426.411.457.270	397.320.615.401

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Do đó Công ty không tính dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố tại ngày 31/12/2012. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

03. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

04. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Chỉ tiêu	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	423.000.000	0	35.077.000.000	35.500.000.000
Phải trả cho người bán	3.463.115.627	0	0	3.463.115.627
Phải trả người lao động	278.156.474.878	0	0	278.156.474.878
Chi phí phải trả	240.000.000	0	0	240.000.000
Các khoản phải trả khác	17.076.872.479	62.884.152.417	0	79.961.024.896
Cộng	299.359.462.984	62.884.152.417	35.077.000.000	397.320.615.401
Số cuối năm				
Vay và nợ	85.076.825.100	12.000.000.000	30.001.000.000	127.077.825.100
Phải trả cho người bán	1.873.290.379	0	0	1.873.290.379
Phải trả người lao động	197.110.465.779	0	0	197.110.465.779
Chi phí phải trả	943.265.955	0	0	943.265.955
Các khoản phải trả khác	20.520.369.194	78.886.240.863	0	99.406.610.057
Cộng	305.524.216.407	90.886.240.863	30.001.000.000	426.411.457.270

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

05. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro

lãi suất và rủi ro về giá. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị trường ngoài thay thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

06. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

07. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

08. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

09. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

11. Số liệu so sánh.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.

12. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 12/3/2013.

Có thể xem và download toàn bộ báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty tại website : <http://doruco.com.vn>.

Đại diện theo pháp luật của Công ty



Đặng Gia Anh